

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22838701] - Đồ án công nghệ nhiệt
lạnh (CCQ2318A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123180057	Đặng Quốc Bảo	16/06/2005	CCQ2318B			7,0	7,5	7,3
2	2123180069	Huỳnh Công Bảo	03/12/2005	CCQ2318B			8,0	8,5	8,3
3	2123180029	Phạm Đức Bảo	13/06/2005	CCQ2318A			8,5	8,0	8,2
4	2123180011	Trần Tấn Bảo	02/04/2005	CCQ2318A			8,0	7,5	7,7
5	2123180035	Trần Tiến Bình	21/09/2005	CCQ2318A			8,0	7,5	7,7
6	2123180003	Trương Văn Bon	23/07/2005	CCQ2318A			8,5	8,5	8,5
7	2123180012	Nguyễn Đức Cảnh	11/07/2005	CCQ2318A			8,5	9,5	9,1
8	2123180010	Võ Hoàng Chính	28/10/1995	CCQ2318A			9,0	8,0	8,4
9	2123180067	Nguyễn Văn Danh	26/03/2005	CCQ2318B			8,0	7,0	7,4
10	2123180043	Phan Văn Định	31/12/2005	CCQ2318B					
11	2123180061	Lương Duy Doan	06/03/2005	CCQ2318B			8,5	9,0	8,8
12	2123180050	Nguyễn Quang Đông	23/11/2005	CCQ2318B			8,5	7,5	7,9
13	2123180039	Huỳnh Thái Dương	10/01/2005	CCQ2318B			8,5	8,5	8,5
14	2123180124	Lê Quang Duy	15/12/2005	CCQ2318A			8,0	8,5	8,3
15	2123180027	Lê Văn Hạ	17/07/2005	CCQ2318A			8,5	9,0	8,8
16	2123180005	Đoàn Công Hiến	02/08/2005	CCQ2318A			8,0	7,0	7,4
17	2123180018	Trần Quốc Hưng	15/07/2004	CCQ2318A			8,5	9,0	8,8
18	2123180036	Hồ Vĩnh Khang	26/10/2005	CCQ2318B			8,5	7,0	7,6
19	2123180022	Hồ Trọng Kiên	09/11/2005	CCQ2318A			8,5	8,0	8,2
20	2123180051	Trương Gia Kiệt	10/01/2001	CCQ2318B					
21	2123180068	Lê Văn Lương	20/03/2005	CCQ2318B			8,5	9,0	8,8
22	2123180129	Dương Nhật Nguyên	15/09/2004	CCQ2318A			8,0	7,0	7,4
23	2123180056	Trần Ngọc Phong	08/08/2005	CCQ2318B			8,0	8,5	8,3
24	2123180032	Nguyễn Huỳnh Anh Phú	07/08/2005	CCQ2318A			8,0	7,0	7,4
25	2123180122	Nguyễn Tấn Phú	07/01/2005	CCQ2318A			8,0	9,0	8,6
26	2123180033	Hồ Vũ Phước	22/03/2002	CCQ2318A			8,5	9,0	8,8
27	2123180099	Huỳnh Vũ Minh Quân	05/06/2005	CCQ2318A			8,0	7,0	7,4
28	2123180009	Lê Anh Quân	15/03/2005	CCQ2318A			8,5	9,0	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22838701] - Đồ án công nghệ nhiệt
lạnh (CCQ2318A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 45...

Số bài thi: 45...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123180063	Nguyễn Minh Quân	04/03/2005	CCQ2318B		Quân	8,0	7,5	7,7
30	2123180028	Trần Ngọc Quý	04/02/2005	CCQ2318A		Quý	8,0	9,0	8,6
31	2123180002	Lê Chí Tâm	01/09/2004	CCQ2318A		Tâm	8,5	8,0	8,2
32	2123180030	Nguyễn Đức Thắng	06/11/2005	CCQ2318A		Thắng	8,0	8,0	8,0
33	2123180026	Trần Quang Thắng	25/01/2005	CCQ2318A		Thắng	8,5	7,0	7,6
34	2123180100	Huỳnh Công Thành	26/05/2005	CCQ2318A		Thành	8,0	7,0	7,4
35	2123180052	Ngô Văn Thành	17/07/2004	CCQ2318B		Thành	8,0	7,5	7,7
36	2123180106	Phan Nhật Anh Tiến	10/03/2004	CCQ2318A		Tiến	8,0	8,0	8,0
37	2123180031	Nguyễn Thành Tính	01/01/2005	CCQ2318A		Tính	8,0	7,0	7,4
38	2123180058	Nguyễn Thái Bảo Tính	26/08/2005	CCQ2318B		Tính	7,0	7,5	7,3
39	2123180064	Nguyễn Kế Trung	03/07/2005	CCQ2318B		Trung	8,0	7,5	7,7
40	2123180004	Nguyễn Sĩ Trung	03/03/2005	CCQ2318A		Trung	8,5	7,5	7,9
41	2123180065	Nguyễn Thanh Tú	05/11/2005	CCQ2318B		Tú	8,0	8,5	8,3
42	2123180019	Lê Kế Từ	28/01/2005	CCQ2318A		Từ	8,0	7,5	7,7
43	2123180048	Nguyễn Minh Tường	20/06/2005	CCQ2318B		Tường	8,0	7,5	7,7
44	2123180038	Phạm Quang Vĩ	24/03/2005	CCQ2318B		Vĩ	7,0	7,5	7,3
45	2123180007	Huỳnh Anh Việt	04/01/2005	CCQ2318A		Việt	8,0	7,5	7,7
46	2123180060	Trương Quốc Việt	12/10/2004	CCQ2318B		Việt	9,0	9,0	9,0
47	2123180047	Đặng Quang Vinh	28/11/2005	CCQ2318B		Vinh	8,5	7,5	7,9
48	2123180076	Phan Trọng Vinh	16/11/2005	CCQ2318B		Vinh	8,0	8,5	8,3
49	2123180014	Nguyễn Hoàng Vũ	02/01/2005	CCQ2318A		Vũ	7,0	7,5	7,3
50	2123180042	Nguyễn Xuân Vũ	26/12/2005	CCQ2318B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22838703] - Đồ án công nghệ nhiệt
lạnh (CCQ2318C)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi:18...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123180096	Nguyễn Hoàng Anh	21/07/2005	CCQ2318C		Anh	6	7,0	6,6
2	2123180113	Hoàng Tiến Đạt	11/05/2005	CCQ2318C		Đạt	7	7,0	7,0
3	2123180097	Nguyễn Thành Đạt	03/12/2005	CCQ2318C		Đạt	7	7,0	7,0
4	2123180109	Trần Quang Đạt	20/12/2005	CCQ2318C		Đạt	7	7,0	7,0
5	2123180086	Nguyễn Tùng Dương	30/08/2004	CCQ2318C		Dương	8	7,0	7,4
6	2123180090	Nguyễn Văn Đường	03/03/2005	CCQ2318C		Đường	6	7,0	6,6
7	2123180104	Hoàng Quang Hưởng	06/04/2005	CCQ2318C		Hưởng	7	7,0	7,0
8	2123180080	Nguyễn Phước Lên	13/03/2005	CCQ2318C		Lên	6	7,0	6,6
9	2123180130	Phạm Bá Ngà	09/11/2005	CCQ2318C		Ngà	6	7,0	6,6
10	2123180082	Phạm Phan Minh Quyển	29/11/2003	CCQ2318C		Quyển	6	7,0	6,6
11	2123180102	Lê Tấn Tài	24/03/2005	CCQ2318C		Tài	9	7,0	7,8
12	2123180093	Nguyễn Thành Tài	02/02/2005	CCQ2318C		Tài	6	7,5	6,9
13	2123180072	Nguyễn Minh Thái	03/09/2005	CCQ2318C		Thái	8	7,0	7,4
14	2123180110	Nguyễn Hà Trường	28/07/2005	CCQ2318C					
15	2123180089	Trần Văn Thương	02/05/2005	CCQ2318C		Thương	9	7,0	7,8
16	2123180112	Đặng Trung Tín	23/04/2001	CCQ2318C		Tín	9	8,0	8,4
17	2123180101	Lê Lưu Tùng	02/06/2003	CCQ2318C		Tùng	8	7,0	7,4
18	2123180092	Phạm Trung Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C		Vĩ	6	7,0	6,6
19	2123180088	Đoàn Thanh Dory	09/10/2002	CCQ2318C		Dory	7	7,0	7,0